

**THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282498(số cũ 0403000075) do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2013, cấp thay đổi lần 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 03203.821338/03203.821297

Fax: 0320.3821557

Website:khoangsanhaiduong.com

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Hữu Khiêm – Kế toán trưởng

Số điện thoại: 0904.043948

Email: HuuKhiem.kshd@gmail.com

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức ĐKGD:

- Tên Công ty : Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương.
- Tên tiếng Anh: Hai Duong Mineral Einal Processing Joint Stock Company
- Tên viết tắt : HAMICO
- Trụ sở : Khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 03203.821338/03203.821297.
- Fax: 0320.3821557
- Website : www.Khoangsanhaiduong.com
- Logo Công ty



- Ngày trở thành Công ty đại chúng: Ngày 03 tháng 9 năm 2013
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Đào Văn Dũng - Giám đốc Công ty
- Vốn điều lệ đăng ký : 17.174.100.000 đồng (Mười bảy tỷ một trăm bảy mươi tư triệu một trăm nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 17.174.100.000 đồng (Mười bảy tỷ một trăm bảy mươi tư triệu một trăm nghìn đồng).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0800282498(số cũ 0403000075) do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2013, cấp thay đổi lần 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Khai thác chế biến đá làm nhiên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác và chế biến đất sét; Khai thác tận thu chế biến Bauxits; Khai thác cát đất đồi; Sửa chữa cơ khí – điện; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.
- Mã chứng khoán: KHD
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.717.410 cổ phần (Một triệu bảy trăm mười bảy nghìn bốn trăm mười cổ phần):
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính. Tính đến ngày 10/11/2016, tỷ lệ nắm giữ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Công ty là 0%.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương tiền thân là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Đến năm 1997 được đổi tên là Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương.

Tháng 7 năm 2003 thực hiện cổ phần hóa - chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty khai thác chế biến đá và khoáng sản Hải Dương thành Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương theo Quyết định 2740/QĐ-UB ngày 04/07/2003 của UBND tỉnh Hải Dương với vốn điều lệ là: 5.724.700.000 đồng.

. Ngày 03/9/2013 Công ty chính thức là Công ty đại chúng theo công văn chấp thuận số: 5547/UBCK-QLPH ngày 03/9/2013 của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Ngày 07/01/2014 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 02/2014/GCNCP-VSD, theo đó Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán kể từ ngày 07/01/2014. Đến ngày 23/9/2015 Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất.

1.4 Quá trình tăng vốn

Bảng 1: Quá trình tăng vốn

Lần tăng vốn	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn Điều lệ tăng thêm	Vốn Điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Lần 1	Ngày 08/10/2009	5.724.700.000 đồng	11.449.400.000 đồng	Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	-Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010; -Nghị quyết Hội đồng quản trị số 33/BB-HĐQT ngày 08/10/2009;

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

					-Giấy CNĐKKD thay đổi ngày 08/01/2010.
Lần 2	Ngày 26/08/2015	5.724.700.000 đồng	17.174.100.000 đồng	Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	-Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015; -Nghị quyết Hội đồng quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 31/7/2015; -Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ngày 26/8/2015; -Công văn số 5625/UBCK-QLPH ngày 03/9/2015 của UBCKNN về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. -Giấy CNĐKKD thay đổi ngày 30/9/2015.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hiện nay Công ty cổ phần Khai thác, chế biến Khoáng sản Hải Dương được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 26/11/2014. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động:

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Khai thác, chế biến Khoáng sản Hải Dương bao gồm:

➤ Đại Hội Đồng Cổ đông

Đại Hội Đồng Cổ đông là tổ chức quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ đông có trách nhiệm đưa ra những chính sách dài hạn và ngắn hạn về việc phát triển của Công ty, bầu ra Hội

đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, các thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014.

➤ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

➤ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng cổ đông, do Đại hội Đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

➤ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, và pháp luật về toàn bộ việc tổ chức kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

➤ **Các phòng ban chức năng**

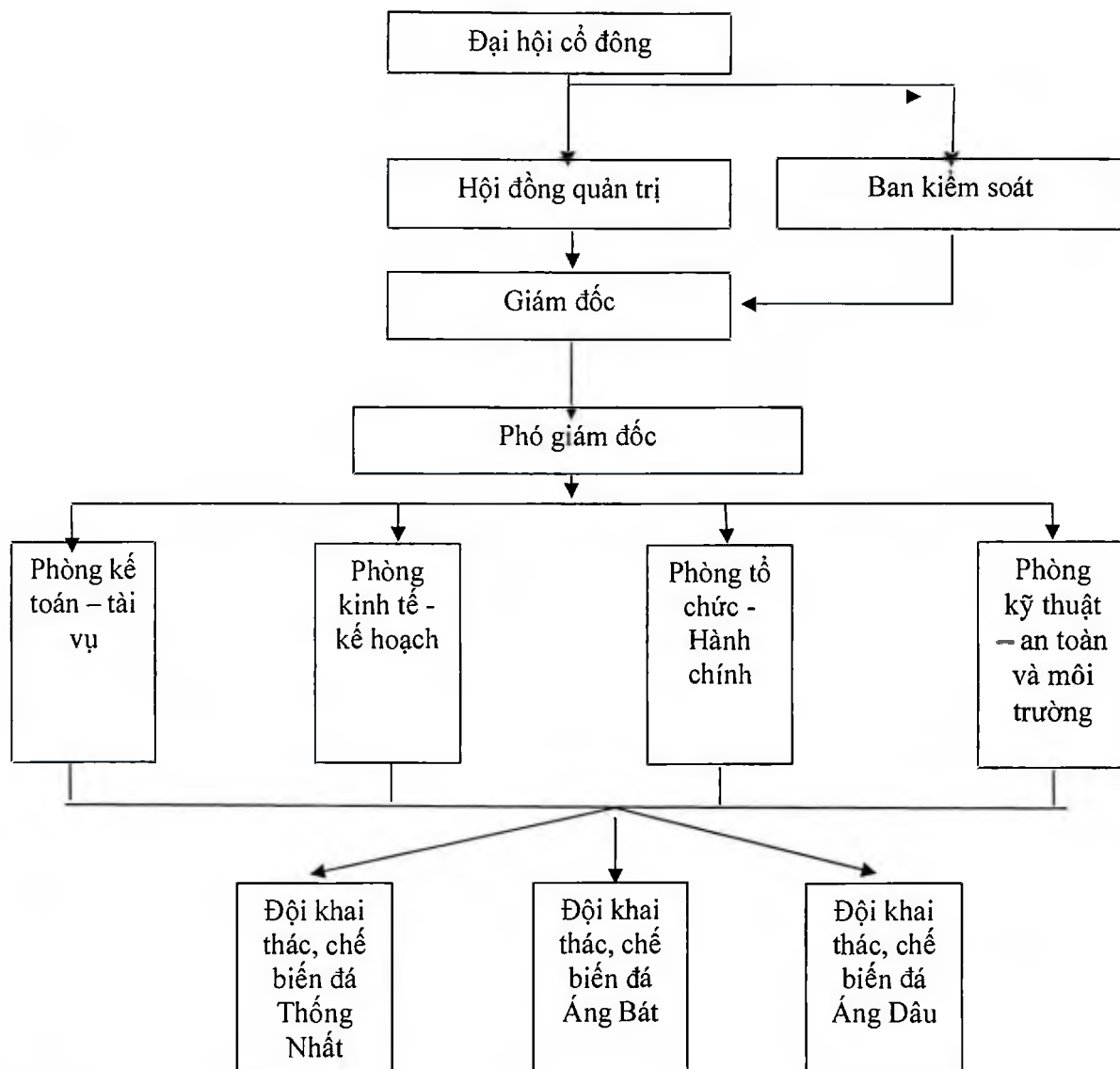
Hiện tại Công ty 04 phòng ban chức năng thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh được hiệu quả.

➤ **Các đội sản xuất**

Các đội sản xuất phụ trách khai thác và chế biến đá tại các mỏ, hiện tại Công ty có 03 đội sản xuất bao gồm: Đội khai thác chế biến đá Thông Nhất, Đội khai thác chế biến đá Áng Bát, đội khai thác chế biến đá Áng Dâu.

Bảng 1: Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



Ghi chú:

—————> Quan hệ chỉ đạo trực tiếp

————— Quan hệ nghiệp vụ

4. Cơ cấu cổ đông

4.1 Cơ cấu cổ đông

Bảng 02: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại ngày 10/11/2016

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	01	613.116	35,7%
2	Cá nhân	321	1.104.294	64,3%
	Tổng	322	1.717.410	100%
II	Cổ đông nước ngoài			

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1	Tổ chức	0	0	0%
2	Cá nhân	0	0	0%
	Tổng	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Tổng cộng:	322	1.717.410	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký cung cấp chốt tại ngày 10/11/2016

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 03: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Đăng ký kinh doanh số	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang	Số 390, Đường Nguyễn Trãi, tổ 17, phường Nguyễn Trãi, tỉnh Hà Giang	5100101762	613.116	35,7%
Tổng cộng				613.116	35,7%

Nguồn: Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký cung cấp chốt tại ngày 10/11/2016

4.3 Cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đến nay, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

- Danh sách những công ty con của Công ty: Không có
- Danh sách những công ty mà công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có
- Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường từ nguồn đá vôi của các mỏ đá trong khu vực Nhị chiểu – Kinh Môn – Hải Dương để cung cấp cho các công trình giao thông, xây dựng công nghiệp và xây dựng

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

dân dụng,...Các mỏ đá của Công ty bao gồm: Mỏ Phúc Sơn, Hàm Long, Bắc Tân Sơn, Áng Bát, Áng Rong và mỏ Áng Dầu.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán thành phẩm đá thô	2.787	1,31%	10.432	5,72%	1.502	2,40%
doanh thu bán thành phẩm đá chế biến	205.623	97,19%	171.802	94,28%	61.124	97,60%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.152	1,50%	-	-	-	-
Tổng cộng	211.562	100,00%	182.234	100,00%	62.625	100,00%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm, 2014, 2015 và Báo cáo soát xét 6T/2016)

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm đá thô	1.231	0,58%	5.116	2,81%	552	0,88%
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm đá chế biến	42.610	20,14%	45.044	24,72%	15.335	24,49%
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	178	0,08%	-	-	-	-
Tổng cộng	44.019	20,81%	50.160	27,53%	15.887	25,37%

(Nguồn: CTCP Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương)

6.3 Cơ cấu doanh thu giá vốn

- Cơ cấu giá vốn

Bảng 6: Cơ cấu giá vốn

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	167.543	79,19%	132.074	72,47%	46.737	74,63%
Chi phí tài chính	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Chi phí bán hàng	14.453	6,83%	10.245	5,62%	2.293	3,66%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.312	9,13%	20.942	11,49%	6.429	10,27%
Chi phí khác	656	0,31%	605	0,33%	279	0,44%
Tổng Chi phí	201.964	95,46%	163.866	89,92%	55.738	89,00%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm, 2014, 2015 và Báo cáo soát xét 6T/2016)

6.4 Danh sách một số hợp đồng lớn mà Công ty đang thực hiện:

Bảng 7: Danh mục các hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện

Stt	Số hiệu hợp đồng	Khách hàng	Sản phẩm	Thời gian
1	Hợp đồng số 58/2016/HĐKT ngày 28/06/2016	Công ty TNHH Hung Hòa	Đá các loại	Từ 01/07/2016 đến hết 31/12/2016
2	Hợp đồng số 61/2016/HĐKT ngày 28/06/2016	Xí nghiệp tư doanh vận tải Hồng Lạc	Đá các loại	Từ 01/07/2016 đến hết 31/12/2016
3	Hợp đồng số 64/2016/HĐKT ngày 28/06/2016	Công ty CP sản xuất & kinh doanh VLXD Đức Thắng	Đá các loại	Từ 01/07/2016 đến hết 31/12/2016
4	Hợp đồng số 74/2016/HĐKT ngày 28/06/2016	Công ty CP cơ khí & XD Thuận Thiên	Đá các loại	Từ 01/07/2016 đến hết 31/12/2016
5	Hợp đồng số 62/2016/HĐKT ngày 28/06/2016	Công ty TNHH MTV Sơn Nam	Đá các loại	Từ 01/07/2016 đến hết 31/12/2016

(Nguồn: CTCP khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương)

Các hợp đồng của Công ty được ký kết 6 tháng một lần, xác định đơn giá mua, khối lượng mua phụ thuộc vào sản lượng và tình hình khai thác của các đội.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

Bảng 8: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2016
Tổng giá trị tài sản	75.460	68.242	-9,56%	64.729
Vốn chủ sở hữu	25.632	28.897	12,74%	29.234
Doanh thu thuần	211.562	182.234	-13,86%	62.625
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.045	19.830	79,54%	7.398
Lợi nhuận khác	213	326	52,71%	(234)
Tổng lợi nhuận trước thuế	11.258	20.156	79,03%	7.163
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.729	15.552	78,15%	5.659
Giá trị sổ sách(đồng/cp)	22.388	16.826	-24,84%	17.022
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	59%	33%	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm, 2014, 2015 và Báo cáo soát xét 6T/2016)

➤ **Các vấn đề cần nhấn mạnh và ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán năm 2015 của Công ty:**

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

“Nhu trình bày tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong năm với số tiền khoảng 1,9 tỷ VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty ghi nhận hồi tố toàn bộ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nêu trên vào chi phí các năm trước theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam thì trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước sẽ giảm 5,9 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình sẽ tăng 4 tỷ VND; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Giá vốn hàng bán sẽ giảm, tổng lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 1,9 tỷ VND”.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại hoặc trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo kiểm toán ngày 04 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.”

- **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ và kết luận ngoại trừ tại Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2016**

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

“Như trình bày tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong kỳ với số tiền khoảng 586 triệu VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty ghi nhận hồi tố toàn bộ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nêu trên vào chi phí các năm trước theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam thì trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước sẽ giảm đi khoảng 4 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình sẽ tăng khoảng 3,4 tỷ VND; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá vốn hàng bán sẽ giảm và tổng lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 586 triệu VND”.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

➤ **Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh:**

Trong 03 năm trở lại đây, tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến rất phức tạp, những biến động bất thường ngoài dự đoán như tình hình lạm phát, khủng hoảng nợ công, khủng hoảng việc làm, bất ổn chính sách tiền tệ... Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Thực trạng này tác động bất lợi đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam, trong đó có các doanh nghiệp sản xuất đá xây dựng như Công ty.

Cạnh tranh sản phẩm ngày càng trở lên khốc liệt do có nhiều đơn vị sản xuất cùng ngành ra đời, đặc biệt là ở khu vực tư nhân đã ảnh hưởng không nhỏ đến cả sản xuất và tiêu thụ của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất lớn vào các chính sách về thuế, chính sách đối với ngành khoáng sản, các hợp đồng BOT... Trong những năm gần đây các chính sách về thuế, ngành khoáng sản càng ngày càng thắt chặt đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành:

Công ty với thương hiệu mỏ đá vôi Thống Nhất là một thương hiệu uy tín trong lĩnh vực sản xuất đá xây dựng ở miền Bắc. Với bề dày kinh nghiệm gần 60 năm trong lĩnh vực đá xây dựng, thương hiệu đá vôi Thống Nhất được nhiều nhà thầu lớn trong lĩnh vực cầu đường tin dùng.

8.2 Triển vọng phát triển ngành:

Bộ Giao thông vận tải đã xây dựng chiến lược phát triển giao thông giai đoạn 2005 - 2015, tầm nhìn 2020. Trong những năm gần đây ngành Giao thông vận tải đã khởi công và hoàn thành nhiều dự án trọng điểm có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước như cải tạo và mở rộng Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi... Bên cạnh đó, một số công trình trọng điểm, được khẩn trương hoàn thành, đưa vào khai thác như đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây... đã tạo ra những hiệu ứng tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội các vùng miền.

Mặc dù vậy hạ tầng giao thông Việt Nam hiện nay chưa đáp ứng nhu cầu thực tế là một trong những nguyên nhân kìm sự tăng trưởng kinh tế, làm giảm năng lực cạnh tranh quốc gia (tụt 16 bậc trong bảng xếp hạng cạnh tranh năng lực toàn cầu, trong đó cơ sở hạ tầng tụt 5 bậc). Thực trạng này dẫn đến việc phát sinh nhu cầu cấp thiết cho việc đầu tư và nâng cấp cho cơ sở hạ tầng, được cụ thể hóa thành một số mục tiêu của Bộ Giao thông vận tải: Hoàn thành thêm 2000km đường cao tốc đưa vào sử dụng năm 2020 bên cạnh việc tu bổ và phát triển đường quốc lộ, đường tỉnh.

Như vậy nhu cầu đá xây dựng để xây dựng cơ sở hạ tầng trong tương lai còn rất lớn sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển ngành khai thác, chế biến đá xây dựng nói chung và Công ty nói riêng.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số lao động thường xuyên hiện có tính đến thời điểm 30/09/2016 là: 410 lao động.

➤ Phân theo trình độ:

- Đại học và trên đại học: 39
- Cao đẳng, trung cấp: 22
- Nghề, sơ cấp: 95
- Phổ thông: 254

➤ Phân theo nội dung công việc:

- Lao động gián tiếp: 122
- Lao động trực tiếp: 288

9.2 Chính sách đối với người lao động

- ✓ Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện đầy đủ về BHXH, BHYT, BHNT...khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội;
- ✓ Công ty đã giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước;
- ✓ Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho công ty, Công ty luôn chú trọng đến việc ổn định nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề từ đó xây dựng được một tập thể vững mạnh.

9.3. Mức lương bình quân.

Hiện nay, bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của Công ty là trên 7 triệu đồng/người/tháng.

10. Chính sách cổ tức:

Tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông được thông qua tại các Đại hội cổ đông thường niên trên cơ sở nguồn lợi nhuận sau thuế đã được trích lập các quỹ. Nguồn cổ tức trả cho cổ đông trong những năm gần đây của Công ty được trả dưới hình thức tiền mặt.

Bảng 9: Tỷ lệ trả cổ tức

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Hình thức thanh toán
2014	45%	Tiền mặt
2015	30%	Tiền mặt

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính bằng Đồng Việt Nam. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính.

➤ Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng tài sản khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao như sau:

Bảng 10: Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định	Thời gian khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	5 – 25 năm
Phương tiện vận tải	07 – 10 năm
Máy móc thiết bị	04 – 16 năm

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Thiết bị dụng cụ quản lý	05 – 14 năm
--------------------------	-------------

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015)

➤ Khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị các quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Công ty phải nộp, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được giấy phép khai thác khoáng sản. Quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường được trích khấu hao căn cứ theo trữ lượng được cấp phép khai thác của từng mỏ.

➤ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán nợ ngắn hạn và dài hạn, theo quy định của pháp luật. Hiện tại Công ty không có các khoản nợ đến hạn.

➤ Các khoản phải nộp theo luật định

Tiền thuế phải nộp Nhà nước tại ngày 31/12/2015 là 10.524 triệu đồng, tại ngày 30/06/2016 là 9.120 triệu đồng được chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 11: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 30/6/2016
Thuế giá trị gia tăng	540	491
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.005	571
Thuế thu nhập cá nhân	72	85
Thuế tài nguyên	330	785
Phí bảo vệ môi trường	246	188
Tiền thuê đất	-	325
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	44
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	7.331	6.631
Tổng	10.524	9.120

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, Báo cáo soát xét 6T/2016)

-Thuế GTGT: Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế GTGT cho các sản phẩm dịch vụ của Công ty là 10% theo quy định.

-Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo luật số 32//QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

-Thuế tài nguyên: Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá với mức thuế suất 7% theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 và 10% theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ tài chính.

-Phí bảo vệ môi trường: được kê khai và nộp theo quy định với mức 2.000 đồng/m³ (theo quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh Hải Dương)

-Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Công ty nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Các loại thuế, phí khác: Công ty nộp theo quy định của NN

➤ **Tình hình các quỹ**

Bảng 12: Số dư các quỹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 30/6/2016
Quỹ dự phòng tài chính	0	0
Quỹ đầu tư phát triển sản xuất	0	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.058	2.069
Tổng cộng	1.058	2.069

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, Báo cáo soát xét 6T/2016)

➤ **Tình hình công nợ**

- Các khoản phải thu

Bảng 13: Tình hình khoản phải thu

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016
I	Phải thu ngắn hạn	11.462	5.984	9.816
1	Phải thu khách hàng	12.777	7.498	10.805
2	Trả trước cho người bán	455	-	300
3	Các khoản phải thu khác	407	206	264

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

4	Dự phòng phải thu khó đòi	-2.177	-1.720	-1.553
II	Phải thu dài hạn	5.113	6.586	7.527
1	Phải thu dài hạn khác	5.113	6.586	7.527
Tổng cộng		16.575	12.569	17.343

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, Báo cáo soát xét 6T/2016)

Tổng cộng các khoản phải thu của Công ty tính đến 30/6/2016 tăng so với 31/12/2015 với giá trị hơn 4,7 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn tăng 3,8 tỷ, phải thu dài hạn tăng 0,9 tỷ. Phải thu khách hàng đến ngày 30/06/2016 là 10,8 tỷ đồng là khoản nợ của khách hàng đang thực hiện hợp đồng mua bán sản phẩm với Công ty, phát sinh hàng ngày các nghiệp vụ giao hàng và thanh toán tiền hàng. Công ty có khoản dự phòng phải thu khó đòi, tính đến 30/6/2016 có giá trị là hơn 1,5 tỷ đồng.

- Các khoản phải trả

Bảng 14: Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
I	Nợ ngắn hạn	36.086	25.603	21.754
1	Phải trả cho người bán	9.079	5.270	4.083
2	Người mua trả tiền trước	752	283	624
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	18.554	10.524	9.120
4	Phải trả người lao động	6.935	8.009	5.459
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	218	233	168
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	103	226	230
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	445	1.058	2.069
II	Nợ dài hạn	13.742	13.742	13.742
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
2	Dự phòng phải trả dài hạn	13.742	13.742	13.742
Tổng cộng		49.828	39.345	35.495

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, Báo cáo soát xét 6T/2016)

Dư nợ của Công ty tính đến 30/6/2016 tổng dư nợ là 35,5 tỷ đồng trong đó nợ ngắn hạn là 21,7 tỷ tập trung chủ yếu là khoản thuế chưa đến hạn phải nộp nhà nước, khoản phải trả cho người bán và phải trả người lao động.

Dự phòng phải trả dài hạn 13,7 tỷ là khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường sau khai thác theo luật định.

➤ **Tình hình khoản đầu tư**

Tính đến hết 30/6/2016, Công ty không có khoản đầu tư tài chính ngắn và đầu tư tài chính dài hạn.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính

Chi tiêu	Đơn vị	2014	2015
<u>Đánh giá hiệu quả hoạt động</u>			
Tỷ số thanh toán hiện thời (ngắn hạn)	Lần	1,13	1,21
Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	0,98	0,92
<u>Chu trình lưu chuyển tiền mặt</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	18	20,02
<u>Đánh giá khả năng sử dụng tài sản</u>			
Vòng quay Tổng tài sản	Lần	3,4	2,54
<u>Đánh giá cơ cấu vốn</u>			
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	66,03	57,66
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	194,39	136,16
<u>Đánh giá khả năng sinh lời</u>			
LN thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,22	10,88
Tỷ suất LN sau thuế/DT thuần	%	4,13	8,53
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	11,57	21,64
Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	34,06	53,82

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015)

12. Tài sản

➤ **Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2015**

Bảng 16: Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	GTCL	%GTCL/NG
I	Tài sản cố định hữu hình	26.812	13.842	51,63%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	7.881	2.866	36,37%
2	Máy móc thiết bị	16.360	9.989	61,06%

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	2.310	938	40,62%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	260	48	18,47%
II	Tài sản cố định vô hình	31.178	16.120	51,70%
1	Quyền khai thác khoáng sản	17.436	9.939	57,00%
2	Chi phí hoàn nguyên môi trường	13.742	6.181	44,98%
Tổng cộng		57.990	29.962	51,67%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015

➤ **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Bảng 17: Tình hình chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Chi phí XD CBDD	113	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015

➤ **Tình hình trang thiết bị máy móc của Công ty**

Bảng 18: Danh sách máy móc, trang thiết bị sản xuất chính của Công ty

Dây chuyền, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Công dụng	Năm chế tạo	Năm đưa vào sử dụng
Cụm nghiền sàng Italia	1	Italia	Nghiên đá	1995	1996
Máy xúc Kawasaki 70	1	Nhật	Xúc sản phẩm	2008	2009
Máy xúc kobelco	1	Nhật	Xúc sản phẩm	2009	2009
Máy xúc Kobelco	4	Nhật	Xúc sản phẩm	2015	2015
Máy Gạt DZ171	1	Nga	San gạt	2000	2001
Xe phun nước môi trường	1	Việt Nam	Phun nước chống bụi	2009	2009
Máy biến áp 560KVA	1	Việt Nam	Phục vụ sản xuất	1996	1996
Máy xúc lật 500WS	1	Trung Quốc	Xúc sản phẩm	2014	2016
Hệ thống dây chuyền rửa mạt	1	Việt Nam	Sản xuất cát từ sản phẩm mạt	2016	2016

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

(Nguồn: CTCP khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương)

➤ **Tình hình trữ lượng mỏ của Công ty:**

Hiện tại Công ty được cấp phép khai thác tại 6 điểm mỏ với thông tin chi tiết như sau:

Bảng 19: Trữ lượng các mỏ của Công ty

Stt	Tên mỏ	Giấy phép khai thác	Trữ lượng trên giấy phép (m ³)	Năm cấp	Thời hạn giấy phép (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Trữ lượng đã khai thác (m ³)	Trữ lượng còn lại đến 30/06/2016
1	Áng Bát	1861/GP-UBND ngày 23/07/2015	1.930.511	2015	6 năm	360.000	245.098	1.685.413
2	Hàm Long	1862/GP-UBND ngày 23/07/2015	132.740	2015	3 năm	50.000	27.935	104.805
3	Áng Dâu	2619/GP-UBND ngày 23/10/2014	462.278	2014	3 năm	200.000	350.408	111.870
4	Áng Rong	2620/GP-UBND ngày 23/10/2014	276.191	2014	6 năm	50.000	78.169	198.022
5	Phúc Sơn	1427/GP-UBND ngày 26/06/2012	1.294.988	2012	10 năm	135.000	1.077.351	217.637
6	Bắc Tân Sơn	702/GP-UBND ngày 21/03/2014	281.891	2014	6 năm	50.000	125.140	156.751
Tổng cộng:			4.378.599			845.000	1.904.101	2.474.498

(Nguồn: CTCP Khai thác, chế biến Khoáng sản Hải Dương)

Trữ lượng còn lại đến 30/6/2016 là 2.474.498 m³ là trữ lượng địa chất, quy ra trữ lượng nở rời là 3.711.747 m³.

➤ **Tình hình sử dụng đất**

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Tại thời điểm hiện tại Công ty đang sử dụng và quản lý 15 mảnh đất với diện tích là 764.318,5m², Công ty nộp tiền thuê đất hàng năm.

Thông tin chi tiết các mảnh đất

Bảng 20: Tình hình sử dụng đất

TT	Tên Lô đất	Vị trí	Thời hạn sử dụng	Năm sử dụng	Tổng diện tích (m ²)	Hợp đồng thuê đất
1	Mỏ Bắc Tân Sơn - TT Minh Tân	TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 21/03/2020	9 năm	59.771,5	HĐ 493/HĐTĐ ngày 10/01/2005, Phụ lục 1517/HĐTĐ ngày 21/12/2015
2	Địa điểm là vành đai an toàn khai thác đá và mặt bằng chứa sản phẩm	TT Minh Tân, Phú Thứ - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 08/12/2028	24 năm	49.583	HĐ số 488A/HĐ-TĐ ngày 30/12/2004
3	Trụ sở làm việc của công ty thuộc TT Phú Thứ	TT Phú Thứ - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 19/10/2030	30 năm	3.264	HĐ số 550A/HĐ-TĐ ngày 24/06/2005
4	Mỏ Tân Sơn- TT Phú Thứ	TT Phú Thứ - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 19/10/2030	30 năm	147.026	Số 152/HĐ-TĐ ngày 25/7/2001
5	Mỏ Cống Sồ và Hàm Long- TT Phú Thứ	TT Phú Thứ - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 19/10/2030	30 năm	129.791	“
6	Mỏ Phúc Sơn- TT Phú Thứ	TT Phú Thứ - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 19/10/2030	30 năm	179.093	“
7	Khu tập thể	TT Phú Thứ -	Ngày	30 năm		“

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

	Lỗ Sơn- TT Phú Thứ	Kinh Môn - Hải Dương	19/10/2030		7.026	
8	Trạm xá công ty- TT Phú Thứ	TT Phú Thứ - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 19/10/2030	30 năm	430	“
9	Xưởng cơ khí - TT Phú Thứ	TT Phú Thứ - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 19/10/2030	30 năm	2.571	“
10	Dường vào mỏ Tân Sơn- TT Phú Thứ	TT Phú Thứ - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 19/10/2030	30 năm	1.574	“
11	Mỏ Áng Bat- TT Minh Tân	TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 19/10/2030	30 năm	43.179	“
12	Mỏ Áng Dâu- TT Minh Tân	TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 23/10/2017	3 năm	40.517	HĐ số 1041/HĐTĐ ngày 16/9/2009
13	Mỏ Áng Rong- TT Minh Tân	TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 23/10/2020	6 năm	14.612	“
14	Mỏ Áng Bat- TT Minh Tân	TT Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 23/07/2021	6 năm	63.863	“
15	Mỏ Phúc Sơn- TT Phú Thứ	TT Phú Thứ - Kinh Môn - Hải Dương	Ngày 19/10/2030	30 năm	22.078	HĐ Số 152/HĐ-TĐ ngày 25/7/2001
Tổng cộng					764.318,5	

(Nguồn: CTCP khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương)

13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

13.1. Định hướng phát triển:

Trên cơ sở vị thế của doanh nghiệp trong ngành và triển vọng phát triển của ngành, Công ty đề ra định hướng phát triển trong các năm tiếp theo như sau:

- Phát huy uy tín thương hiệu đã đạt được, thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Trên cơ sở khả năng tài chính để tăng cường đầu tư máy móc thiết bị cho việc chế biến sâu tài nguyên nhằm sản xuất ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao từ nguồn tài nguyên sẵn có. Từ đó mới góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường quan hệ với các đối tác để tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

13.2. Kế hoạch kinh doanh 2016

Bảng 21: Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	%/Thực hiện năm 2015
Doanh thu thuần	Triệu đồng	145.500	-20,16%
Lợi nhuận sau thuế	“	6.000	-61,42
Vốn điều lệ	“	17.174	0
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,14	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	34,93	-
Cổ tức	%	25	-

(Nguồn: Các Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2016)

Hiện tại Công ty chưa có kế hoạch kinh doanh năm 2017.

13.3. Các giải pháp thực hiện:

- ✓ Đẩy mạnh hoàn tất việc xin cấp phép khai thác xuống sâu tại các mỏ Tân Sơn và thăm dò mở rộng xin cấp phép khai thác xuống sâu tại mỏ Phúc Sơn – Hàm Long – Núi Sẻ.
- ✓ Trên cơ sở khả năng tài chính để tăng cường đầu tư máy móc thiết bị cho việc chế biến sâu tài nguyên nhằm sản xuất ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao từ nguồn tài nguyên sẵn có. Từ đó mới góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ✓ Tăng cường quan hệ với các đối tác để tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.
- ✓ Mở rộng địa bàn hoạt động khai thác – chế biến đá sang các tỉnh khác trong khu vực để phát huy năng lực, lợi thế thương hiệu của Công ty nhằm ổn định và phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn tới

14. Thông tin những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty đại chúng: Không có

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty: Không có

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Theo Điều lệ Công ty cổ phần Khai thác, chế biến Khoáng sản Hải Dương, Hiện tại Công ty có 05 thành viên HĐQT bao gồm:

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
3	Đỗ Quang Mạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
4	Trần Văn Sừ	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Vũ Thắng Bình	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

➤ **Ông Phạm Thành Đô – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Phạm Thành Đô
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/01/1978
- Chứng minh nhân dân: 012006390, ngày cấp: 09/04/2012, Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 34 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 - 2003	Vụ kế hoạch và đầu tư Bộ Công nghiệp	Chuyên viên
Từ 2003 - 2006	Công ty TNHH ĐP	Phó Giám đốc

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Từ 2006 – T9/2014	Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	TV- HĐQT
Từ T10/2014 đến nay	Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Chủ tịch HĐQT
Từ T4/2015 đến nay	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:

Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty CP cơ khí và khoáng sản Hà Giang;

- Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân:

Không

+ Sở hữu đại diện cho tổ chức:

Không

+ Sở hữu của người có liên quan:

Không

- Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

➤ **Ông Đào Văn Dũng – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc**

- Họ và tên:

Đào Văn Dũng

- Giới tính:

Nam

- Ngày sinh:

28/11/1966

- Chứng minh nhân dân

141700840, Ngày cấp: 11/12/2008, Nơi cấp: CA Hải Dương

- Quốc tịch:

Việt Nam

- Dân tộc:

Kinh

- Địa chỉ thường trú:

Đồng Ngộ - Nam Đồng – TP Hải Dương – Hải Dương

- Trình độ văn hóa:

12/12

- Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư kinh tế mỏ

- Quá trình công tác:

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T4/1994 -T9/1996	Công ty cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang	Nhân viên Phòng kinh doanh
Từ T10/1996 -T12/1997	“	Phó ban quản lý công trình
Từ T01/1998 -T10/1998	Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương	Nhân viên phòng kế hoạch – kỹ thuật
Từ T11/1998 -T11/1999	“	Phó giám đốc xí nghiệp sét
Từ T12/1999 -T3/2003	“	Giám đốc xí nghiệp sét
Từ T4/2003 -T11/2004	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	Phó phòng kế hoạch – kỹ thuật
Từ T12/2004 -T6/2009	“	Trưởng phòng kế hoạch – kỹ thuật
Từ T7/2009 -T4/2011	“	Phó giám đốc Công ty
Từ T5/2011 -T5/2013	“	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
Từ T6/2013 đến nay	“	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

-Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty

-Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 36.690 Cp chiếm 2,14% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện cho tổ chức: Không

+ Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

➤ **Ông Đỗ Quang Mạnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc**

- Họ và tên: Đỗ Quang Mạnh

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 15/03/1965

-Chứng minh nhân dân 140340892 Ngày cấp: 09/01/2010

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Nơi cấp: CA Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu 2, TT Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mỏ
- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T12/1990 - T12/1993	Mỏ thiếc Tĩnh Túc Cao Bằng.	Nhân viên phòng Kinh tế - Kế hoạch
Từ T01/1994- T9/1995	Xí nghiệp điện, Công ty Kim loại màu Cao Bằng.	Nhân viên phòng Kinh tế - Kế hoạch
Từ T10/1995- T8/1996	Mỏ đá Vôi Thống Nhất	Nhân viên kinh tế
Từ T9/1996 -T5/2000	Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương	Nhân viên phòng kế toán
Từ T6/2000 -T3/2003	Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương	Phó phòng kế toán
Từ T4/2003 -T12/2004	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương.	Phó phòng kế toán
Từ T01/2005 - T8/2013	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương.	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng
Từ T9/2013 đến nay	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương.	Thành viên HĐQT - Phó giám đốc Công ty

-Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:

Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

- | | |
|---|-----------------------------------|
| | Công ty |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| - Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người có liên quan: | |
| + Sở hữu cá nhân: | 45.375 Cp chiếm 2,64% vốn điều lệ |
| + Sở hữu đại diện cho tổ chức: | Không |
| + Sở hữu của người có liên quan: | Không |
| - Các khoản nợ đối với Công ty: | Không |

➤ **Ông Trần Văn Sừ - Thành viên HĐQT**

- | | |
|------------------------|---|
| - Họ và tên: | Trần Văn Sừ |
| - Giới tính: | Nam |
| - Ngày sinh: | 19/05/1959 |
| - Chứng minh nhân dân: | 033059000604 Ngày cấp:
21/12/2015 Nơi cấp: Tổng cục CS |
| - Quốc tịch: | Việt Nam |
| - Dân tộc: | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú: | Khu 2, TT Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương |
| - Trình độ văn hóa: | 10/10 |
| - Trình độ chuyên môn: | Trung cấp chính trị |
| - Quá trình công tác: | |

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T10/1977 – T6/1983	Mỏ đá vôi Thống Nhất	Công nhân
Từ T7/1983 – T6/1984	“	Thủ kho thành phẩm
Từ 7/1984 – T12/1989	“	Bí thư đoàn chuyên trách
Từ T01/1990 – T7/1992	“	Thường trực Đảng ủy chuyên

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

		trách
Từ T8/1992 – T8/1996	“	Thường trực Đảng ủy – trưởng phòng Hành Chính
Từ T9/1996-T7/2003	Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương	Thường trực Đảng ủy – trưởng phòng Hành Chính
Từ T8/2003 - nay	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính

-Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng
Tổ chức – Hành chính

-Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Không

- Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người có
liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 33.945 Cp chiếm 1,98% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện cho tổ chức: Không

+ Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

➤ **Ông Vũ Thắng Bình - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Vũ Thắng Bình

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 09/12/1977

-Chứng minh nhân dân: 011882745 Ngày cấp: 21/06/2012 Nơi
cấp: CA Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Số nhà 221, tổ 1, cụm 5, P. Khương
Định, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

- Quá trình công tác:

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2002 – T 8/2008	Vụ kế hoạch và đầu tư Bộ Thương mại	Chuyên viên
Từ T9/2008 – T6/2012	Công ty chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	Trưởng phòng đầu tư
Từ 2012 – đến nay	Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	- Phó giám đốc Chi nhánh - Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Từ T6/2014 – T5/2015	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	Thành viên Ban kiểm soát
Từ T5/2015- đến nay	“	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:

Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Giám đốc CN Hà Nội – Công ty Cp cơ khí và khoáng sản Hà Giang

- Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân:

Không

+ Sở hữu đại diện cho tổ chức:

Không

+ Sở hữu của người có liên quan:

Không

- Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

2. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Danh sách Ban giám đốc, kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đào Văn Dũng	Giám đốc
2	Đỗ Quang Mạnh	Phó Giám đốc
3	Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc
4	Nguyễn Hữu Khiêm	Kế toán trưởng

- Ông Đào Văn Dũng - Giám đốc *(Sơ yếu lý lịch như trên)*
- Ông Đỗ Quang Mạnh - Phó Giám đốc *(Sơ yếu lý lịch như trên)*
- Ông Đoàn Văn Cường – Phó Giám đốc

- Họ và tên: Đoàn Văn Cường
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/12/1979
- Chứng minh nhân dân: 141822720, Ngày cấp 05/04/2011, CA Hải Dương cấp.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T3/2002-T4/2004	Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương	Nhân viên
Từ T5/2004 – T4/2013	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	-Đội phó đội sản xuất -Phó phòng kế hoạch – kỹ thuật
Từ T5/2013 – T3/2016	“	Trưởng phòng kỹ thuật an toàn và môi trường
Từ T4/2016 đến nay	“	Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn và môi trường

-Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn và Môi trường Công ty

- Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người

có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 1.290 Cp chiếm 0,08% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện cho tổ chức: Không

+ Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

➤ **Ông Nguyễn Hữu Khiêm - Kế toán trưởng**

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Khiêm

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 21/03/1980

- Chứng minh nhân dân: 100726346, Ngày cấp 28/05/2015, CA Quảng Ninh cấp

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Khu 2, TT Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T12/2002 – T9/2010	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	Nhân viên kế toán
Từ T10/2010 – T8/2013	“	Phó phòng kế toán, Trưởng Ban kiểm soát
Từ T9/2013 đến nay	“	Trưởng phòng kế toán – Kế toán trưởng Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:

Kế toán trưởng – Trưởng phòng Kế toán

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 16.209 Cp chiếm 0,94% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

3. Ban kiểm soát

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Thị Mây	Trưởng Ban kiểm soát
2	Vũ Văn Trào	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát

➤ Bà Vũ Thị Mây - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Vũ Thị Mây
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 05/01/1963
- Chứng minh nhân dân: 140236663 Ngày cấp: 05/9/2006
Nơi cấp CA Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu 2, TT Phú Thù, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T7/1983 – T10/1987	Mỏ đá vôi Thống Nhất	Công nhân
Từ T10/1987 – T12/1989	“	Nhân viên phòng Kế hoạch
Từ T01/1990 – T12/1998	Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương	Nhân viên kinh tế
Từ T01/1999 – T7/2003	“	Nhân viên Phòng kế toán
Từ T8/2003 – T12/2009	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	Phó phòng kế toán
Từ T01/2010 – T5/2013	“	Trưởng phòng kinh tế - kế hoạch, Thành viên BKS
Từ T6/2013 đến nay	“	Trưởng BKS, Trưởng phòng kinh tế - kế hoạch

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát – Trưởng phòng Kinh tế
- Kế hoạch

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 9.360 Cp chiếm 0,55% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện cho tổ chức: Không

+ Sở hữu của người có liên quan:

✓ Chị gái: Vũ Thị Bắc 3.390 CP chiếm 0,20% vốn điều lệ

✓ Em gái: Vũ Thị Mau 2.100 CP chiếm 0,12% vốn điều lệ

✓ Em Trai: Vũ Quang Đoán 1.980 Cp chiếm 0,11% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

➤ **Ông Vũ Văn Trào – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Vũ Văn Trào

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 10/07/1978

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Chứng minh nhân dân: 14252975 Ngày cấp: 14/12/2007 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu 2, TT Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T03/2001 đến nay	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	-Nhân viên -Đội phó phụ trách sản xuất
Từ T4/2011 đến nay	“	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân: 840 Cp chiếm 0,05% vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện cho tổ chức: Không

+ Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

➤ **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuấn

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 05/11/1979

- Chứng minh nhân dân: 013428679, Ngày cấp 29/06/2011, CA Hà Nội cấp

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 11 Ngách 105/57 Vọng Hà,
Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2003 – T10/2007	Vụ Chính sách thị trường trong nước Bộ Thương mại	Chuyên viên
Từ T10/2007 – T11/2008	Công ty chứng khoán ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội	Chuyên viên
Từ T11/2008 – T7/2013	Công ty chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam	Chuyên viên
Từ T7/2013 – đến nay	Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Chuyên viên
Từ T4/2016 – đến nay	Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Từ T4/2016 đến nay	Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng BKS Công ty CP cơ khí và khoáng sản
Hà Giang
- Số cổ phiếu đang nắm giữ của cá nhân và người
có liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: Không
 - + Sở hữu đại diện cho tổ chức: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: **Không**

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Công ty cam kết tuân thủ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 thông tư quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.

Hiện tại, Ban kiểm soát chưa có ai là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp mà đang làm việc chuyên trách tại Công ty. Vì vậy, Công ty sẽ chú ý kiện toàn và bổ sung trong các kì họp Đại hội đồng cổ đông sau.

Trường hợp Điều lệ Công ty chưa tuân thủ các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng, Công ty sẽ rà soát và bổ sung, sửa đổi theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC.

Hải Dương, ngày 29 tháng 11 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

